

Bản án số: 57/2019/HS-PT
Ngày 30- 7 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Tám
Các Thẩm phán: Ông Châu Văn Mỹ
Bà Trần Ngọc Như

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Quan Tuấn Nghĩa, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 45/2019/TLPT-HS ngày 14 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo Phi Hải Đ, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2019/HS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Tòa án Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Phi Hải Đ**, sinh năm 1966 tại quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 115/7, đường Ngô Tất T, Phường U, quận B, Thành Phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở hiện nay: Số 35/175, đường C, Khóm H, Phường L, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha là Phi Văn H, sinh năm 1937 và mẹ là Trần Thị T, sinh năm 1940; có vợ tên Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1971 và người 02 con, lớn sinh năm 1996 và nhỏ sinh năm 2011; tiền án: Không; tiền sự: Không; tạm giam ngày 07/10/2017 đến ngày 04/5/2018 cho bảo lãnh tại ngoại đến nay, (có mặt).

- Bị hại: Bà Lê Trường A, sinh năm 1967 và ông Nguyễn Bé N, sinh năm 1954. Cùng trú tại: Ấp T, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 01/2014, bà Lê Trường A có nhu cầu mua đất để xây nhà nên cùng chồng là Nguyễn Bé N hẹn gặp bị cáo Phi Hải Đ tại quán cà phê H thuộc Khóm E, Phường L, thành phố B. Tại đây bà A nói muốn mua một nền để xây nhà tại khu dân cư Phường L nên bị cáo Đ nghe vậy thì trả lời “*em có một lô đất tại khu dân cư phường L, em sẽ bán lại cho chị một nền*”. Bà A hỏi “*đất này của ai?*”, Đ trả lời “*đất này đã mua lại của Công ty cổ phần đầu tư STT và tìm người bán lại để kiếm lời*”. Bị cáo Đ đưa bà A và ông N đến một nền đất trống, khu dân cư phường L và nói dối là của bị cáo Đ bán với giá 280.000.000 đồng, bà A tin tưởng nên đồng ý mua. Sau đó, bà A đưa cho bị cáo Đ số tiền 280.000.000 đồng, bị cáo Đ hứa trong vòng hai tháng sẽ giao đất và sang tên cho bà A. Sau khi nhận được tiền trên bị cáo Đ sử dụng vào mục đích cá nhân hết, không làm các thủ tục chuyển nhượng đất cho bà A. Đến ngày 19/3/2014, bà A nói với bị cáo Đ muốn mua 02 nền liền kề nhau nên đưa bà A và ông N đến vị trí đất T19 – lô 84 và T19 – lô 85 nằm trên đường Số 5, khu dân cư Phường L, thành phố B. Hai vị trí đất này của ông Ngô Thanh B tham gia góp vốn với công ty STT, nhưng bị cáo Đ nói dối là của mình và bán cho bà A với giá 600.000.000 đồng. Bà A tin tưởng là thật nên chuyển sang mua hai nền liền kề này. Bị cáo Đ viết biên nhận cho bà A với nội dung có bán 02 nền với giá tiền là 600.000.000 đồng, đặt cọc trước 280.000.000 đồng. Đến ngày 07/7/2014 và ngày 17/8/2014, bà A đưa thêm 120.000.000 đồng, bị cáo Đ nhận tiền và ghi biên nhận giao cho bà A giữ. Bị cáo Đ hứa với bà A trong vòng hai tháng sẽ giao đất và sang tên cho bà A. Số tiền này bị cáo Đ tiếp tục sử dụng vào mục đích cá nhân, khi đến thời hạn bị cáo Đ đưa ra nhiều lý do nên chưa giao đất và làm thủ tục sang tên, đồng thời cố tình lẩn tránh bà A.

Đến đầu năm 2015, bà A biết vị trí hai nền đất mua có người đang cất nhà thì bị cáo Đ tiếp tục nói dối đã bán cho người khác và năn nỉ bà A chuyển sang mua hai nền vị trí đất T19 – lô 88 và T19 – lô 89. Hai vị trí đất này cũng của ông Ngô Thanh B tham gia góp vốn với công ty STT. Để bà A và ông N tin tưởng, bị cáo Đ đưa vợ chồng bà A đến vị trí hai lô đất T19 – lô 88 và T19 – lô 89, và nói dối là đã mua lại của Công ty STT và hứa hai tháng sẽ làm thủ tục giao đất, sang tên cho bà A. Đến hẹn thấy bị cáo Đ không thực hiện việc giao đất nên bà A đến Công ty STT tìm hiểu thì biết vợ chồng bà A không có tên trong những người đăng ký mua đất của Công ty và vị trí các lô đất T19 – lô 84, T19 – lô 85, T19 – lô 88, T19 – lô 89 đã có chủ sở hữu.

Do không thể mua được 02 nền liền kề nên bà A yêu cầu bị cáo Đ trả lại 100.000.000 đồng và chỉ mua một nền với giá là 300.000.000 đồng. Bị cáo Đ tiếp tục nói dối là sẽ mua đất của bà Triệu Lệ P để trả bà A. Để bà A thêm tin tưởng bị cáo Đ dùng thủ đoạn gian dối như: yêu cầu vợ chồng bà A đến Văn phòng công chứng ký không hồ sơ chuyển nhượng; làm giả một bản phô tô biên nhận hồ sơ chuyển nhượng trước thuế với nội dung Triệu Lệ P chuyển nhượng cho Nguyễn Bé N thửa đất tại khu dân cư Phường L, thành phố B.

Bà Lê Trường A tưởng là thật nên chờ đợi bị cáo Đ giao đất theo cam kết. Đến ngày 06/6/2017, thì biết bị cáo Đ lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đến Cơ quan điều tra Công an thành phố B trình báo sự việc và giao nộp các tài liệu có liên quan.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2019/HSST ngày 06/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu quyết định: Tuyên bố bị cáo Phi Hải Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Phi Hải Đ 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù, được đổi trừ thời hạn tạm giam từ ngày 07/10/2017 đến ngày 04/5/2018.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/5/2019, bị cáo kháng cáo xin giảm án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên đơn kháng cáo, yêu cầu giảm án vì bị cáo đang gặp khó khăn như cha, mẹ lớn tuổi thường xuyên ốm đau, bị cáo bị bệnh khô phổi, đã khắc phục toàn bộ thiệt hại và bị hại có đơn yêu cầu không khởi tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm tranh luận: Sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nội dung kháng cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo cũng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm án của bị cáo Phi Hải Đ, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2019/HS-ST ngày 06/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phi Hải Đ xác định, án sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội lừa đảo chiếm đoạt 400.000.000đ của vợ, chồng ông Nguyễn Bé N và bà Lê Trường A là không bị oan, bị cáo yêu cầu được giảm án. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2014 đến ngày 17/8/2014, bị cáo Phi Hải Đ đã dùng thủ đoạn là đưa ra thông tin cùng việc dẫn bị hại Lê Trường A, Nguyễn Bé N đến nơi có quyền sử dụng đất mà bị hại muốn nhận chuyển nhượng và nói dối là thuộc quyền sử dụng của bị cáo để cho bị hại tin tưởng và đồng ý giao tiền cọc, trả trước 400.000.000 đồng, tiến đến ký kết hợp đồng chuyển nhượng. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, bị cáo tiếp tục dẫn ông N, bà A ký không hợp đồng chuyển nhượng tại Văn phòng Công chứng C, làm giả Biên nhận hồ sơ của Bộ phận tiếp nhận và hoàn trả hồ sơ của Ủy ban nhân dân thành phố B nhằm che giấu hành vi gian dối của bị cáo, kéo dài thời gian.

[2] Hành vi đưa ra thông tin không đúng sự thật để chiếm đoạt 400.000.000đ của bị hại do bị cáo thực hiện nêu trên có đủ yếu tố cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, do bị cáo chiếm đoạt số tiền trên 200.000.000đ và dưới 500.000.000đ nên phạm vào tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 như án sơ thẩm áp dụng là có căn cứ, đúng người đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo yêu cầu được giảm án của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi quyết định hình phạt cho bị cáo, cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng và đã xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp. Tuy nhiên, hình phạt án sơ thẩm áp dụng cho bị cáo đến 05 năm tù là có phần nghiêm khắc. Trong vụ án này, bị cáo phạm tội chiếm đoạt tài sản của người khác nhưng trong quá trình điều tra bị cáo và bị hại đã thỏa thuận khắc phục xong thiệt hại nên bị hại có đơn xin không khởi tố đối với bị cáo, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo cũng đang bị bệnh nên cần giảm một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội tích cực khắc phục hậu quả.

[4] Trong quá trình điều tra, cấp sơ thẩm có trả hồ sơ yêu cầu xem xét hành vi của bị cáo chiếm đoạt 200.000.000đ của bà Lâm Thị Thu H, nhưng Cơ quan điều tra không chấp nhận. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu cho rằng đây là quan hệ dân sự đã có quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ này không bị cơ quan tổ chức, cá nhân khiếu nại hay kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật. Do đó, cấp phúc thẩm không thể xem xét hành vi chiếm đoạt này của bị cáo, nên kiến nghị Tòa án cấp cao xem xét lại bản án theo thủ tục chung.

[5] Như đã phân tích ở đoạn [3], đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm không được chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo kháng cáo được chấp nhận nên không chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Chấp nhận kháng cáo xin giảm án của bị cáo, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2019/HS-ST ngày 06/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

1. Tuyên bố bị cáo Phi Hải Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

3. Xử phạt bị cáo Phi Hải Đ 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án phạt tù nhưng được đối trừ thời hạn tạm giam từ ngày 07/10/2017 đến ngày 04/5/2018.

4. Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Phi Hải Đ không phải nộp.

5. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2019/HS-ST ngày 06/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- TAND TP B (02 bản);
- VKSND TP B (01 bản);
- CQĐT TP. B (01 bản);
- Chi cục THA TP. B (01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (1 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Bị hại (01 bản);
- Lưu: HS, THS, THCTP.

Cao Văn Tám